

Khả năng sinh lời của các ngân hàng thương mại Việt Nam thời kỳ dịch Covid-19

PHẠM THỊ HỒNG VÂN*
TRẦN KỲ NAM**

Tóm tắt

Nghiên cứu nhằm mục đích xác định các nhân tố tác động đến khả năng sinh lời (KNSL) của các ngân hàng thương mại (NHTM) trong thời kỳ dịch Covid-19 (từ quý 1/2020 đến quý 3/2021) trên dữ liệu bảng của 26 NHTM cổ phần niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam. Bằng phương pháp ước lượng tác động cố định FEM với sai số chuẩn mạnh, nghiên cứu phát hiện thấy, Quy mô ngân hàng và Tỷ lệ vốn chủ sở hữu tác động tích cực đến KNSL của NHTM. Tỷ lệ dự phòng và Tỷ lệ chi phí ngoài lãi tác động tiêu cực đến KNSL của NHTM. Nghiên cứu cũng tìm thấy bằng chứng tác động tích cực của Tăng trưởng kinh tế đến KNSL của NHTM. Qua đó, nhóm tác giả đề xuất các giải pháp cho NHTM và Chính phủ để giúp các NHTM ổn định kinh doanh trong thời kỳ dịch Covid-19, gia tăng KNSL.

Từ khóa: ngân hàng thương mại, khả năng sinh lời, Covid-19

Summary

Based on panel data of 26 Vietnamese banks listed on the Vietnam stock exchange, the study aims to determine factors affecting the profitability of commercial banks during the Covid-19 period (from Q1/2020 to Q3/2021). By estimating FEM with robust standard errors, the study indicates that bank size and equity ratio have a positive impact on the profitability of commercial banks. Loan loss provision and non-interest expense ratio negatively affect the profitability of commercial banks. The study also finds evidence of a positive impact of economic growth on the profitability of commercial banks. From those findings, the study proposes solutions for commercial banks and the government to help commercial banks stabilize their business during the Covid-19 period and increase profitability.

Keywords: commercial banks, profitability, Covid-19

GIỚI THIỆU

Các NHTM ở Việt Nam là kênh cung ứng vốn tín dụng chủ lực của nền kinh tế cùng với nguồn vốn chủ sở hữu chủ yếu được cung ứng qua thị trường chứng khoán. Trong chuỗi mắt xích cung ứng vốn cho nền kinh tế, các NHTM ở Việt Nam giữ một vai trò quan trọng với bề dày lịch sử từ lâu đời. Khi đại dịch Covid-19 tác động đến nền kinh tế làm sụt giảm tăng trưởng, đã kéo theo các gánh nặng cho thị trường tín dụng về việc quản lý và thu hồi các khoản nợ đến hạn. Vì vậy, mọi khó khăn trong sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp cũng làm ảnh hưởng đến hoạt động của NHTM, từ việc huy động vốn nhân rồi đến cho vay

các khoản nợ mới và quản lý thu hồi các khoản nợ cũ. Gánh nặng nợ xấu đang là nỗi lo ngại lớn nhất của các NHTM (Lam Duy, 2021). Các NHTM đồng loạt giảm lãi suất để hỗ trợ khách hàng do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 (Lê Phương, 2021). Vì vậy, có thể nói, mọi khó khăn của nền kinh tế đều dồn lên vai của các NHTM (Thành Đức, 2020). Với vai trò cung ứng vốn trong nền kinh tế, thì những khó khăn của hoạt động NHTM không chỉ các NHTM quan tâm, mà còn là nỗi lo chung của cả nền kinh tế (Anh Minh, 2021).

Các nghiên cứu công bố trong nước phần lớn tập trung nhiều vào việc phản ánh tác động của đại dịch Covid-19 đến hệ thống NHTM của Việt Nam (Đỗ Hoài Linh, 2020; Trịnh Xuân Hoàng, 2021). Các nghiên cứu tác động của dịch Covid-19 đến hệ thống NHTM Việt Nam công bố trên các tạp chí quốc tế còn rất ít. Tất cả các nghiên cứu này chủ yếu sử dụng dữ liệu đến năm 2020, là năm đầu tiên Việt Nam chịu tác

* TS., Khoa Tài chính - Ngân hàng, Trường Đại học Văn Lang

** ThS., Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Ngày nhận bài: 01/6/2022; Ngày phản biện: 17/6/2022; Ngày duyệt đăng: 20/6/2022

BẢNG 1: KẾT QUẢ LƯC KHẢO VÀ GIẢI THÍCH CÁC BIẾN TRONG MÔ HÌNH (1)

Tên biến	Đo lường	Ký hiệu	Chiều tác động	Nguồn
KNSL trên tổng tài sản (%)	Lãi ròng/Tổng tài sản	y		Phan và cộng sự (2020) Dang và cộng sự (2021)
Quy mô NHTM	Ln (Tài sản)	Bank_size	+	Lê Đồng Duy Trung (2020) Phan và cộng sự (2020)
Tỷ số vốn chủ sở hữu (%)	Vốn chủ sở hữu/ Tổng tài sản	EA	+	Lê Đồng Duy Trung (2020) Dang và cộng sự (2021)
Tỷ lệ dự phòng rủi ro tín dụng (%)	Chi phí dự phòng/ Tổng dư nợ	LLP	-	Lê Đồng Duy Trung (2020) Phan và cộng sự (2020)
Hiệu quả hoạt động (%)	Chi phí hoạt động/ Doanh thu thuần	Oper - E	-	Nguyen và cộng sự (2018); Phan và cộng sự (2020)
Quản lý hoạt động cho vay (%)	Tỷ lệ chi phí lãi từ hoạt động cho vay so với thu nhập từ cho vay	OCI	-	Dang và cộng sự (2021)
Quản lý hoạt động dịch vụ	Tỷ lệ chi phí phi hoạt động dịch vụ so với thu nhập từ hoạt động dịch vụ	No-ii		Dang và cộng sự (2021)
Thu nhập lãi thuần so với tổng tài sản	Thu nhập lãi thuần/ Tổng tài sản	NIM	+	Lê Đồng Duy Trung (2020)
Thu nhập hoạt động/Doanh thu thuần	Thu nhập hoạt động/ Doanh thu thuần	GM	+	Brigham và Houston (2015)
Tốc độ tăng trưởng kinh tế	$(GDP_t - GDP_{t-1})/GDP_{t-1}$	Growth	+	Phan và cộng sự (2020) Do và cộng sự (2021)
Lạm phát	Chỉ số giá tiêu dùng	cpi	-	

Nguồn: Tập hợp từ nhóm tác giả

BẢNG 2: THỐNG KÊ MÔ TẢ CÁC BIẾN

Biến	Số quan sát	Trung bình	Nhỏ nhất	Lớn nhất
y (%)	196	0,364	-0,202	1,421
Bank_size	196	19,176	16,826	21,246
EA (%)	196	7,900	2,638	17,809
LLP (%)	196	1,331	0,032	9,223
Oper - E (%)	196	20,880	5,386	87,529
OCI (%)	196	64,166	7,128	113,391
No-ii (%)	196	41,929	3,289	124,115
NIM (%)	196	0,746	-0,168	2,307
GM (%)	196	44,249	-15,570	90,884
Growth (%)	196	2,473	0,68	5,02
Cpi (%)	196	2,867	0,29	5,56

Nguồn: Thống kê của nhóm tác giả

động của dịch Covid-19. Dữ liệu sử dụng để đánh giá mức độ tác động này chỉ mang tính thời điểm trong năm 2020, mà chưa có sự quan sát nhiều kỳ và cũng chưa có sự so sánh với giai đoạn trước đó. Vì vậy, đến thời gian này rất cần bổ sung thêm những nghiên cứu mới có khoảng thời gian quan sát sự tác động của dịch Covid-19 qua nhiều kỳ hơn, thì mới nhìn thấy hết những tác động của đại dịch Covid-19 đến KNSL của các NHTM Việt Nam.

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu

Theo Brigham và Houston (2015), các tỷ số về KNSL là tác động kết hợp của tính thanh khoản, quản lý tài sản và quản lý nợ lên kết quả hoạt động của doanh

nh nghiệp. Nghiên cứu thực hiện phân tích trên dữ liệu của thời kỳ có xảy ra dịch Covid-19, nên bổ sung thêm các biến phản ánh các nhân tố vĩ mô của nền kinh tế, như: tăng trưởng kinh tế và lạm phát. Bên cạnh đó, thừa kế kết quả nghiên cứu của các tác giả được trình bày trong Bảng 1, KNSL (y) của NHTM được đề xuất:

$$y_{i,t} = \beta_0 + \beta_1 Bank_size_{i,t} + \beta_2 EA_{i,t} + \beta_3 LLP_{i,t} + \beta_4 Oper_E + \beta_5 OCI_{i,t} + \beta_6 No_ii_{i,t} + \beta_7 NIM_{i,t} + \beta_8 GM_{i,t} + \beta_9 cpi_{i,t} + \beta_{10} Growth_{i,t} + \varepsilon_{i,t} \quad (1)$$

Phương pháp nghiên cứu

Dữ liệu nghiên cứu là dữ liệu bảng được thu thập từ 26 NHTM niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam trong 7 kỳ quan sát từ quý 1/2020 đến quý 3/2021. Phương pháp nghiên cứu được sử dụng là định lượng bằng cách ước lượng hệ số hồi quy mô hình (1) để đánh giá mức độ tác động của các nhân tố đến KNSL của NHTM trong thời kỳ dịch Covid-19. Nghiên cứu sử dụng các kiểm định Breusch and Pagan Lagagian Multiplier, F-Test, Hausman để lựa chọn phương pháp ước lượng phù hợp từ 3 phương pháp: Bình phương bé nhất (Pooled OLS), Tác động cố định (FEM), và Tác động ngẫu nhiên (REM) (Baltagi, 2008). Cuối cùng, nghiên cứu sử dụng thêm các tùy chọn phù hợp, để tăng cường tính hiệu quả và tính vững cho kết quả nghiên cứu từ việc khắc phục hiện tượng tự tương quan, đa cộng tuyến, phương sai thay đổi.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Phân tích thống kê mô tả và hệ số tương quan

Kết quả phân tích thống kê mô tả cho biết giá trị trung bình, giá trị cao nhất và giá trị thấp nhất của các biến được thể hiện trong Bảng 2.

Hệ số tương quan giữa các biến được thể hiện trong Bảng 3. Các hệ số tương quan của các cặp biến đều < 0,6, chứng tỏ các biến không có nghi ngờ hiện tượng đa cộng tuyến (Evan, 1996). Riêng chỉ có biến NIM với biến y và biến OCI là có hệ số tương quan > 0,7 là nghi ngờ có hiện tượng đa cộng tuyến.

Ước lượng hệ số hồi quy

Kết quả kiểm định các phương pháp Pooled OLS, FEM và REM nhằm lựa chọn ước lượng pháp phù hợp được thể hiện trong Bảng 4. Với kết quả so sánh theo cặp, thì phương pháp ước lượng theo FEM là phù hợp.

BẢNG 3: HỆ SỐ TƯƠNG QUAN CÁC BIẾN

	y	Bank Size	EA	LLP	Oper-e	OCI	No ii	NIM	GM	Growth
Bank size	0,498									
EA	0,242	-0,357								
LLP	0,199	0,521	-0,281							
Oper e	0,080	-0,086	0,425	-0,033						
OCI	-0,752	-0,439	-0,427	-0,228	-0,351					
No ii	-0,239	-0,112	-0,014	0,125	-0,081	0,151				
NIM	0,769	0,379	0,456	0,159	0,317	-0,872	-0,191			
GM	0,331	0,236	-0,013	0,023	0,179	-0,171	-0,258	0,239		
Growth	0,059	0,047	-0,009	0,008	-0,057	-0,098	-0,113	0,061	0,021	
Cpi	-0,087	-0,052	-0,008	-0,047	0,084	-0,110	0,126	-0,066	-0,004	0,126

Tiếp tục kiểm tra hiện tượng đa cộng tuyến, tự tương quan và phương sai thay đổi, thì mô hình (1) không có hiện tượng đa cộng tuyến, không có hiện tượng tự tương quan, nhưng bị hiện tượng phương sai thay đổi do có giá trị kiểm định Wald test cho giá trị P-value = 0,000 < 5%. Vì vậy, kết quả ước lượng hệ số hồi quy theo FEM phải thêm tùy chọn Robust test để có hệ số hồi quy chuẩn mạnh cho kết quả nghiên cứu.

Kết quả ước lượng hệ số hồi quy đánh giá tác động của các nhân tố đến KNSL của NHTM được thể hiện trong Bảng 5. Kết quả nghiên cứu cho thấy, Quy mô NHTM (bank_size), Tỷ lệ vốn chủ sở hữu (EA) tác động tích cực đến KNSL của NHTM, Tỷ lệ dự phòng (LLP), Chi phí ngoài lãi so với thu nhập ngoài lãi (no-ii) tác động ngược chiều đến KNSL của NHTM, tương đồng với kết quả nghiên cứu của Lê Đồng Duy Trung (2020); Phan và cộng sự (2020), Dang và cộng sự (2021). Thu nhập lãi thuần so với Tổng tài sản (NIM) và Tăng trưởng kinh tế (growth) tác động cùng chiều đến KNSL của NHTM, tương đồng với kết quả nghiên cứu của Lê Đồng Duy Trung (2020); Phan và cộng sự (2020); Do và cộng sự (2021).

Như vậy, trong thời kỳ dịch Covid-19, các NHTM có quy mô càng lớn càng dễ chống chọi với những rủi ro mang tính hệ thống, như: dịch bệnh, chiến tranh. Tỷ số vốn chủ sở hữu càng cao, càng giúp NHTM tự chủ tài chính tốt hơn, tăng cường khả năng chịu đựng tổn thất trong điều kiện kinh doanh khó khăn như thời kỳ dịch Covid-19. Cũng trong thời kỳ dịch Covid-19, các khoản tín dụng càng khó thu hồi, do doanh nghiệp và cá nhân gặp khó khăn trong kinh doanh, buộc các NHTM phải trích lập dự phòng nhiều hơn. Khi trích lập dự phòng nhiều hơn, thì chi phí phát sinh nhiều hơn làm NHTM sụt giảm KNSL. Các hoạt động dịch vụ

BẢNG 4: LỰA CHỌN PHƯƠNG PHÁP ƯỚC LƯỢNG PHÙ HỢP

Khả năng sinh lời (y)	REM		POOL OLS		FEM	
	Hệ số Beta	P-value	Hệ số Beta	P-value	Hệ số Beta	P-value
Bank_size	0,134	0,000	0,125	0,000	0,296	0,005
EA	0,017	0,067	0,013	0,031	0,037	0,007
LLP	-0,022	0,173	-0,026	0,268	-0,021	0,181
Oper_E	-0,003	0,031	-0,005	0,006	-0,003	0,097
OCI	0,0001	0,776	0,001	0,163	0,001	0,019
No-ii	-0,001	0,135	-0,001	0,165	-0,001	0,122
NIM	0,440	0,000	0,314	0,000	0,515	0,000
GM	-0,0002	0,744	0,001	0,006	-0,005	0,000
Growth	0,015	0,014	0,018	0,081	0,014	0,021
Cpi	-0,006	0,265	-0,006	0,503	-0,003	0,645
Hằng số	-2,555	0,001	-2,241	0,000	-5,539	0,008
R-square hiệu chỉnh			0,5508			
Kiểm định Breusch - Pagan	0,000					
Kiểm định F-test					0,000	
Kiểm định Hausman					0,0396	
So sánh Pooled OLS, REM và FEM	So sánh Pooled OLS và REM, thì chọn REM, bởi vì giá trị kiểm định Breusch and Pagan có p-value < 5%		So sánh Pooled OLS và FEM, thì chọn FEM, bởi vì giá trị kiểm định F-test có p-value < 5%			
So sánh REM & FEM	So sánh REM và FEM, thì chọn FEM, bởi vì kiểm định Hausman có p-value < 5%					

BẢNG 5: KẾT QUẢ ƯỚC LƯỢNG HỆ SỐ HỒI QUY VỚI SAI SỐ CHUẨN MẠNH

Khả năng sinh lời (y)	Covid-19 - FEM với sai số chuẩn mạnh	
	Hệ số beta theo sai số chuẩn mạnh	P-value
Bank_size	0,296	0,056
EA	0,038	0,027
LLP	-0,021	0,018
Oper_E	-0,001	0,111
OCI	0,001	0,129
No-ii	-0,001	0,002
NIM	0,515	0,000
GM	-0,005	0,182
Growth	0,014	0,075
Cpi	-0,003	0,647
Hằng số	-5,539	0,058

Nguồn: Phân tích của nhóm tác giả

ngoài lãi là một kênh góp phần gia tăng thêm lợi nhuận cho NHTM cùng với kênh thu nhập từ lãi. Vì vậy, các khoản thu nhập ngoài lãi và thu nhập từ lãi tạo nên tổng thu nhập cho NHTM càng tăng, thì càng làm gia tăng

KNSL của NHTM. Riêng tỷ lệ chi phí ngoài lãi so với thu nhập mà gia tăng, sẽ làm giảm KNSL của NHTM. Ngoài ra, nghiên cứu cũng khẳng định tác động tích cực của tăng trưởng kinh tế đến KNSL của NHTM. Điều này cho thấy, các chính sách hỗ trợ kịp thời của Chính phủ cho doanh nghiệp, cá nhân và NHTM trong thời kỳ Covid-19 đã phát huy tác dụng.

KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH

Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 tác động mạnh mẽ đến toàn bộ nền kinh tế Việt Nam và các nước, thì lĩnh vực NHTM được đặc biệt quan tâm bởi vai trò trung gian trong quá trình luân chuyển vốn từ nơi thừa đến nơi thiếu (Mishkin, 2013). Khi đó, tình hình kinh doanh của các NHTM sẽ trở nên khó khăn hơn, những NHTM càng nhỏ càng khó khăn trong việc chống chọi với điều kiện kinh doanh bất ổn. Vì vậy, các NHTM cần chú trọng gia tăng quy mô để có thể tồn tại và phát triển tốt. Việc gia tăng trích lập dự phòng để hạn chế rủi ro trong bối cảnh kinh doanh trong thời kỳ dịch

Covid-19 là giải pháp bắt buộc sẽ làm giảm KNSL cho NHTM, nên các NHTM phải chuyển sang phát triển cách kinh doanh khác để đa dạng hóa thu nhập cho NHTM. Đồng thời với quá trình đó, các NHTM phải kiểm soát tốt chi phí cho các hoạt động của NHTM.

Ngoài những nỗ lực từ phía các NHTM, thì vai trò của Chính phủ là hết sức cần thiết. Những chính sách hỗ trợ tài chính, như: các gói kích cầu của Chính phủ, giảm lãi suất cho vay tại các NHTM là những giải pháp thiết thực đã mang lại bằng chứng tác động tích cực của tăng trưởng kinh tế đến KNSL của NHTM trong thời kỳ dịch Covid-19 (Lê Phương, 2021). Vì vậy, Nhà nước cần có những giải pháp kiểm soát tốt dịch bệnh, đồng thời, thực hiện các chính sách hỗ trợ kịp thời cho các doanh nghiệp, các NHTM để ổn định và phát triển kinh tế. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trịnh Xuân Hoàng (2021). Tác động của đại dịch Covid-19 đến hoạt động của các ngân hàng thương mại niêm yết trên sàn chứng khoán, *Tạp chí Tài chính*, kỳ 2, tháng 8/2021
2. Đỗ Hoài Linh (2020). Ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 đối với hoạt động ngân hàng Việt Nam - Những khó khăn và giải pháp, *Tạp chí Ngân hàng*, 8/2020
3. Lê Đồng Duy Trung (2020). Các nhân tố tác động tới khả năng sinh lời của ngân hàng thương mại tại Việt Nam: Tiếp cận theo mô hình thực nghiệm động, *Tạp chí Ngân hàng*, số 12/2020
4. Lam Duy (2021). *Gánh nặng nợ xấu đang dồn vào vai các ngân hàng*, truy cập từ <https://laodong.vn/kinh-te/ganh-nang-no-xau-dang-don-vao-vai-cac-ngan-hang-948440.ldo>
5. Thành Đức (2020). *Covid-19 dồn gánh nặng lên ngân hàng*, truy cập từ <http://m.baokiemtoannhanuoc.vn/taichinh---ngan-hang/covid-19-don-ganh-nang-len-ngan-hang-144113>
6. Anh Minh (2021). *Huyết mạch của nền kinh tế phải thông suốt trong mọi hoàn cảnh*, truy cập từ <http://baochinhphu.vn/Kinh-te/Huyet-mach-cua-nen-kinh-te-phai-thong-suot-trong-moi-hoan-canhh/422914.vgp>
7. Lê Phương (2021). *Dịch Covid-19: Ngân hàng liên tiếp công bố giảm lãi suất hỗ trợ khách hàng*, truy cập từ <https://ncov.vnanet.vn/tin-tuc/dich-covid-19-ngan-hang-lien-tiep-cong-bo-giam-lai-suat-ho-tro-khach-hang/7f05b353-c168-4d8d-b8b9-7e175a2112a6>
8. Baltagi, B. H. (2008). *Econometric Analysis of Penal Data (3rd ed)*, John Wiley and Son, England.
9. Brigham, E. F., and Houston, J. F. (2015). *Fundamentals of Financial Management*, Cengage Learning (ed. 14th), 832 pages
10. Dang, TC., Nguyen, TB., Nguyen, TY, Trinh, TH., and Banh, TT. (2021). Factors affecting the profitability of listed commercial banks in Vietnam: Does agriculture finance matter?, *AgBio Forum*, 23(1), 32-41
11. Do, H. L., Le, HL., and Le, NLD. (2021). Determinants of Banks Profitability: Case of Vietnam Listed Commercial Banks, *European Journal of Business and Management Research*, 6(6), 168-175
12. Evans, J. D. (1996). *Straightforward statistics for the behavioral sciences*, Pacific Grove, CA: Brooks/Cole Publishing
13. Mishkin. F. S. (2013). *The economics of money, banking and financial markets (4th ed.)*, Pearson Canada Toronto
14. Nguyen, D. T., Ta, H. T., and Nguyen, H. T. D. (2018). What determines the profitability of Vietnam commercial banks?. *International Business Research*, 11(2), 231-245
15. Phan, HT., Hoang, TN., Dinh, LV., and Hoang, DN. (2020). The Determinants of Listed Commercial Banks' Profitability in Vietnam, *The Journal of Asian Finance, Economics and Business*, 7(11), 719-729